

Bản án số: 12/2019/DS-ST.

Ngày 22 - 7 -2019

V/v “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST- DS, ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Văn Út E, sinh năm: 1982. Cư trú tại: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* Đồng bị đơn: 1. Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1963.

2. Lâm Thị Th, sinh năm: 1965.

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn Út E trình bày:

Vào đầu năm 2018, anh Út E có hợp đồng thuê vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th chở mía, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Nội dung hợp đồng là anh Út E thuê anh Th và chị Th chở mía của anh Út E lên Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng để bán, tiền công chuyên chở là

120.000 đồng/01 tấn,. Sau khi bán mía anh Thg, chị Th mang phiếu cân mía của nhà máy đường về giao lại cho anh Út E, anh Út E sẽ đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng để nhận tiền, nhưng chị Th và anh Th nói với anh Út E là nếu tin tưởng chị Th và anh Th thì khi chị Th và anh Th chở mía đến nhà máy đường cân mía bán xong thì chị Th và anh Th sẽ nhận tiền từ nhà máy đường về giao lại cho anh Út E, anh Út E không phải đến nhà máy đường để nhận tiền. Vì là chỗ quen biết với nhau, nên anh Út E tin tưởng và đồng ý giao mía cho chị Th và anh Th chở mía đến nhà máy đường bán và nhận tiền về giao lại cho anh Út E.

Thời gian đầu (04 chuyến) thì chị Th và anh Th thực hiện đúng như hợp đồng là chở mía của anh Út E đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán và mang tiền về giao lại cho anh Út E đầy đủ, anh Út E cũng trả tiền công chuyên chở cho chị Th và anh Th đầy đủ, nhưng đến chuyến chở mía lần thứ 05 thì sau khi chở mía đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán về chị Th và anh Th nói với anh Út E là Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng chưa có trả tiền, nên chị Th và anh Th không có tiền giao lại cho anh Út E, nhưng anh Út E vẫn trả tiền chuyên chở cho chị Th và anh Th đầy đủ, tổng cộng là 13 tấn mía. Sau đó, đến chuyến chở mía lần thứ 06 thì sau khi chở mía đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán về chị Th, anh Th và anh Út E có tổng kết hai lần bán mía thì số tiền anh Út E bán mía được là 26.200.000 đồng, anh Út E trả tiền công chuyên chở cho chị Th và anh Th đầy đủ, nhưng chị Th và anh Th chỉ giao lại cho anh Út E số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.200.000 đồng thì chị Th và anh Th nói là do Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng chưa có trả tiền, nên không có tiền giao lại cho anh Út E.

Sau đó, thì anh Út E đến nhà máy đường để yêu cầu trả tiền thì được nhân viên của Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng trả lời là đã gửi tiền cho chị Th và anh Th trả cho anh Út E rồi, nên anh Út E quay về hỏi chị Th và anh Th thì chị Th và anh Th thừa nhận đã nhận tiền của Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng gửi cho anh Út E rồi, nhưng do chị Th và anh Th đã lấy tiền chi xài, nên không có tiền trả lại cho anh Út E, anh Út E có yêu cầu chị Th và anh Th trả tiền nhiều lần, nhưng chị Th và anh Th không trả tiền cho anh Út E, nên anh Út E có khởi kiện chị Th và anh Th đến Tổ hòa giải ấp An Hưng để yêu cầu giải quyết thì tại buổi hòa giải ngày 26/7/2018 chị Th thừa nhận có nhận tiền của nhà máy đường gửi trả cho anh Út E, nhưng chị Th và anh Th đã lấy tiền tiêu xài, nên không có tiền trả cho anh Út E, chị Th có làm Tờ thỏa thuận có nội dung là chị Th và anh Th sẽ trả cho anh Út E số tiền là 16.200.000 đồng, thời gian trả là vào ngày 30/8/2018 trả số tiền là 6.200.000 đồng, vào ngày 30/11/2018 trả số tiền là 10.000.000 đồng còn lại, nhưng đến ngày 30/8/2018 và ngày 30/11/2018 chị Th và anh Th cũng không trả tiền cho anh Út E như đã hẹn. Nay anh Út E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Thg và chị Lâm Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Út E số tiền gốc là 16.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Đồng bị đơn là anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ

và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh Th và chị Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th và chị Th.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với đồng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Giữa anh Út E và anh Nguyễn Văn Th, chị Lâm Thị Th có hợp đồng thuê chở mía với nhau. Trong quá trình chở mía thuê thì giữa anh Út E và anh Th, chị Th có thỏa thuận sau khi bán mía cho Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng thì sẽ nhận tiền từ Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng về giao lại cho anh Út E. Thời gian đầu (04 chuyến) thì chị Th và anh Th thực hiện đúng như hợp đồng là chở mía của anh Út E đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán và mang tiền về giao lại cho anh Út E đầy đủ, nhưng đến chuyến chở mía lần thứ 05 và thứ 06 thì chị Th và anh Th chỉ giao lại cho anh Út E số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.200.000 đồng thì chị Th và anh Th không giao tiền lại cho anh Út E. Tại buổi hòa giải ngày 26/7/2018 chị Th thừa nhận có nhận tiền của Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng gửi trả cho anh Út E, nhưng chị Th và anh Th đã lấy tiền tiêu xài, nên không có tiền trả cho anh Út E, chị Th có làm Tờ thỏa thuận có nội dung là chị Th và anh Th sẽ trả cho anh Út E số tiền là 16.200.000 đồng, thời gian trả là vào ngày 30/8/2018 trả số tiền là 6.200.000 đồng, vào ngày 30/11/2018 trả số tiền là 10.000.000 đồng còn lại, nhưng đến ngày 30/8/2018 và ngày 30/11/2018 chị Th và anh Th không trả tiền cho anh Út E như đã hẹn. Do đó, việc anh Út E yêu cầu anh Th và chị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền gốc là 16.200.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Trần Văn Út E số tiền gốc là 16.200.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp

lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị Th.

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 của anh Trần Văn Út E thì giữa anh Út E và anh Nguyễn Văn Th, chị Lâm Thị Th có hợp đồng thuê chở mía với nhau. Trong quá trình chở mía thuê thì giữa anh Út E và anh Th, chị Th có thỏa thuận sau khi bán mía cho Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng thì sẽ nhận tiền từ Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng về giao lại cho anh Út E. Thời gian đầu (04 chuyến) thì chị Th và anh Th thực hiện đúng như hợp đồng là chở mía của anh Út E đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán và mang tiền về giao lại cho anh Út E đầy đủ, nhưng đến chuyến chở mía lần thứ 05 và thứ 06 thì chị Th và anh Th chỉ giao lại cho anh Út E số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.200.000 đồng thì chị Th và anh Th không giao tiền lại cho anh Út E, nên anh Út E khởi kiện yêu cầu anh Th và chị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Út E số tiền gốc là 16.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp hợp đồng dân sự (Đòi lại tài sản) theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 2, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền gốc là 16.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo anh Út E trình bày giữa anh Út E và anh Nguyễn Văn Th, chị Lâm Thị Th có hợp đồng thuê chở mía với nhau. Trong quá trình chở mía thuê thì giữa anh Út E và anh Th, chị Th có thỏa thuận sau khi bán mía cho Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng thì sẽ nhận tiền từ Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng về giao lại cho anh Út E. Thời gian đầu (04 chuyến) thì chị Th và anh Th thực hiện đúng như hợp đồng là chở mía của anh Út E đến Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng bán và mang tiền về giao lại cho anh Út E đầy đủ, nhưng đến chuyến chở mía lần thứ 05 và thứ 06 thì chị Th và anh Th chỉ giao lại cho anh Út E số tiền là 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.200.000 đồng thì chị Th và anh Th không giao tiền lại cho anh Út E, nên anh Út E khởi kiện yêu cầu anh Th và chị Th phải hoàn trả số tiền là 16.200.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 26/7/2018 chị Th thừa nhận có nhận tiền của Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng gửi trả cho anh Út E, nhưng chị Th và anh Th đã lấy tiền tiêu xài, nên không có tiền trả lại cho anh Út E, chị Th có làm Tờ thỏa thuận có nội dung là chị Th và anh Th sẽ trả cho anh Út E số tiền là 16.200.000 đồng, thời gian trả là vào ngày 30/8/2018 trả số tiền là 6.200.000

đồng, vào ngày 30/11/2018 trả số tiền là 10.000.000 đồng còn lại, nhưng đến ngày 30/8/2018 và ngày 30/11/2018 chị Th và anh Th không trả tiền cho anh Út E như đã hẹn. Do đó, anh Út E yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền gốc là 16.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần xử buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Trần Văn Út E số tiền gốc là 16.200.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải nộp số tiền là 810.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn Út E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Trần Văn Út E số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 405.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006063 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở để Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Út E.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Trần Văn Út E số tiền gốc là 16.200.000 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Út E có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Th và chị Th không hoàn trả số tiền gốc là 16.200.000 đồng

(Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) thì hàng tháng anh Th và chị Th còn phải trả lãi cho anh Út E đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 810.000 đồng (Tám trăm mười ngàn đồng); Anh Trần Văn Út E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Trần Văn Út E số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 405.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006063 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Văn Út E có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn là anh Nguyễn Văn Th và chị Lâm Thị Th không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên